

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Hải

+ Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Phúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Đội X, xã Z, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Xuân H đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2005 tại UBND xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì luôn bất đồng quan điểm sống thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột. Ngày 12/4/2016 bị anh H đánh đập, đe dọa nên chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Z, huyện Y, tỉnh Phú Thọ sinh

sống cho đến nay. Hiện tại chị N nhận thấy đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị N khai nhận vợ chồng có 02 con chung: Trần Xuân H1, sinh ngày 12/5/2008 hiện đang đang sinh sống cùng chị N và Trần Xuân S, sinh ngày 02/5/2011 hiện đang sinh sống với anh H. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1; anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản: Chị N khai nhận vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2019, anh Trần Xuân H trình bày:*

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, mẫu thuẫn phát sinh trong đời sống chung của vợ chồng; con chung, tài sản giống như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ, chồng đi làm ăn và sinh sống hạnh phúc tại thành phố Đà Nẵng trong một thời gian. Đến tháng 4/2015 giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn đánh đập nhau nên cô N bỏ về nhà bố, mẹ đẻ cho đến nay. Cuối năm 2017, tôi và chị N có sống chung với nhau ở nhà bố mẹ đẻ chị N được 02 tháng thì tôi bỏ về quê ở xã Nam Trạch và vợ chồng vẫn giữ liên lạc với nhau qua điện thoại. Nhưng được một thời gian thì tôi biết được chị N có quan hệ trai gái nên tôi có gây sự, chửi bới và không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện tại, anh H vẫn còn tình cảm với chị N nên xin được đoàn tụ. Trong trường hợp chị N kiên quyết ly hôn thì về nuôi con chung anh chấp nhận theo nguyện vọng của các con.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2019 cháu Trần Xuân S có nguyện vọng được ở với bố là anh Trần Xuân H; Tại bản tự khai ngày 21/3/2019 cháu Trần Xuân H01 có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Hồng N

** Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; -

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 238, 262 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N đối với anh Trần Xuân H. Giao con chung Trần Xuân H1, sinh năm 2008 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung Trần Xuân S, sinh năm 2011 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không buộc bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho

nhau và tuyên buộc đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Xuân H có nơi cư trú thuộc xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng N đối với anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã sử dụng nhiều biện pháp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự được biết để đến Tòa án tiến hành các bước thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì chỉ có chị N và cháu H1 có mặt để tham gia phiên họp, anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành được việc lập biên bản việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Theo kết quả xác minh ngày 28/3/2019, UBND xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xác nhận: Cán bộ văn thư xã Nam Trạch đã trực tiếp giao thông báo thụ lý vụ án số: 58/2019/TBTLVA ngày 06/3/2019 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 58/TB-TA ngày 14/3/2019 và ngày 25/3/2019 cho anh Trần Xuân H. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn luôn cố tình trốn tránh nghĩa vụ và không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án theo giấy triệu tập gây cản trở đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, vào ngày 16/4/2019, anh Trần Xuân H và cháu Trần Xuân S tự đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Xuân H mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và quá trình giải quyết vụ án đã thu thập có trong hồ sơ vụ án HĐXX có đủ căn cứ xác định: Chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Xuân H đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2005 tại UBND xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện cho nên việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo lời khai của các đương sự thì quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Các bên đương sự đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài, hiện tại các bên đương sự sống một người một nơi, không quan tâm, bỏ mặc nhau. Đối với nguyện vọng của anh Trần Xuân H mong muốn được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình là chính đáng, cần được xem xét. Nhưng quá trình giải quyết vụ án anh H cố tình vắng

mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án cũng như các phiên tòa mà không có lý do, qua đó cho thấy thái độ của anh H không thực sự không mong muốn được đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng của các không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, đời sống vợ chồng của các đương sự không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Các bên đương sự đều thừa nhận có 02 con chung: Trần Xuân H1, sinh ngày 12/5/2008 đang sống cùng chị N và Trần Xuân S, sinh ngày 02/5/2011 đang sống với anh H. Xét nơi ở hiện tại và nguyện vọng của các con cũng như ý kiến của các đương sự thì việc giao cháu H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu S cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng N ly hôn anh Trần Xuân H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Xuân H1, sinh ngày 12/5/2008 cho chị Nguyễn Hồng N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

2.2. Giao con chung Trần Xuân S, sinh ngày 02/5/2011 cho anh Trần Xuân H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

2.3. Các bên đương sự không phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung

mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0005128 ngày 25/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc kể từ ngày bản án của Tòa án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã Nam Trạch, Bố Trạch, QB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cao Nguyễn Thị Hải

Trần Trung Thành